

Số: /2024/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 336/TTr-SNV ngày 02 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024. Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng; Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 8 của Quy chế công tác thi đua, khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KT VB QPPL);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- TTTU, HĐND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP;
- Các phòng, ban, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, NCKS (Ba).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không quy định trong văn bản này, thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP), Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2024/TT-BNV) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân (sau đây gọi tắt các cơ quan, đơn vị, địa phương), hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch;
- Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;
- Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;

d) Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Căn cứ xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả tham gia phong trào thi đua; kết quả bình xét, suy tôn cụm, khối thi đua và kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải căn cứ vào thành tích, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Chỉ khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương khi tập thể được xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Căn cứ kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét đề nghị khen thưởng (Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh) đối với các cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ: Không xét, đề nghị khen thưởng cho tất cả các tập thể thuộc, trực thuộc và cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hoàn thành nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bảng khen cho không quá 05% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bảng khen cho không quá 15% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bảng khen cho không quá 20% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Các cơ quan, đơn vị không thuộc diện được đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bảng khen cho không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương khi xét thi đua, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thì tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý (có quyết định bổ nhiệm) không được quá 50% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng (Trừ trường hợp khen thưởng đột xuất; chuyên đề có sự tham gia của thành phần chủ yếu là cán bộ lãnh đạo, quản lý).

5. Khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề hoặc sơ kết, tổng kết các chương trình mục tiêu quốc gia, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (từ 02 năm trở lên), thì phải có Kế hoạch tổ chức của cấp có thẩm quyền, trong đó có nội dung về đối tượng, số lượng khen thưởng. Đối tượng khen thưởng chủ yếu là các tập thể nhỏ, các tập thể thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương; cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua.

6. Khen thưởng các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động được thực hiện theo quy định, hướng dẫn riêng.

7. Đối với khen thưởng cấp tỉnh và cấp Nhà nước, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được, cụ thể:

a) Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến).

b) Các tập thể, cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động các hạng (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được) thì sau 02 năm nếu đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định mới tiếp tục đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (trừ các danh hiệu, hình thức khen thưởng hàng năm theo cụm, khối thi đua và khen thưởng chuyên đề, đột xuất).

8. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

9. Việc xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải được thực hiện qua bỏ phiếu kín; tỷ lệ phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng tính trên tổng số thành viên Hội đồng; nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì phải lấy ý kiến bằng phiếu để tổng hợp. Trường hợp đề nghị tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải có số phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 90% trở lên; đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Cờ thi đua của Chính phủ” phải có số phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 80% trở lên; các danh hiệu và hình thức khen thưởng khác phải có số phiếu đồng ý đề nghị khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ 70% trở lên.

10. Không xét, đề nghị khen thưởng đối với tập thể thuộc đối tượng tham gia vào các cụm, khối thi đua nhưng không tham gia. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các cụm, khối thi đua nhưng không ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn hoạt động, không xếp rõ vị thứ thi đua đối với các đơn vị trong từng cụm, khối thì không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể trong cụm, khối thi đua.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 5. Hình thức và nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Hình thức tổ chức phong trào thi đua:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

UBND tỉnh tổ chức các cụm, khối thi đua, ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các cụm, khối thi đua (có văn bản riêng). Người đứng đầu các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh tổ chức cụm, khối thi đua theo ngành dọc ở địa phương và khen thưởng theo thẩm quyền.

b) Thi đua theo chuyên đề là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề), các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để theo dõi).

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

a) Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

b) Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ gia đình. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có

thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

c) Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan, công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể, hộ gia đình tiêu biểu xuất sắc; khuyến khích khen thưởng cá nhân là ngư dân, đồng bào dân tộc thiểu số, nông dân, công nhân, người yếu thế, tàn tật; tập thể nhỏ có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động, sản xuất, công tác; cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

Chương III DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nếu là đảng viên phải được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

b) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lao động, sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; nếu là đảng viên phải được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3. Điều kiện về thời gian công tác để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”

a) Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo,

bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi) thì thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

c) Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, đơn vị, địa phương mới có trách nhiệm bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị, địa phương cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị, địa phương cũ). Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị, địa phương khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị, địa phương điều động, biệt phái xem xét, quyết định và được cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

d) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 06 tháng.

đ) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Tiêu chuẩn Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh của sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, bao gồm:

a) Đối với cấp tỉnh: Xét tặng cho các phòng, ban, chi cục và tương đương thuộc, trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh; các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; các đơn vị trực thuộc chi cục và tương đương (Hạt, đội, trạm, trung tâm,... đơn vị có tư cách pháp nhân).

b) Đối với cấp huyện: Xét tặng cho các phòng, ban, đơn vị và tương đương thuộc, trực thuộc Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp huyện; tập thể cán bộ, công chức xã (phường, thị trấn); các tổ chức bên trong thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện (nếu có).

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng cho trường học (trừ các trường là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh quản lý), bệnh viện và tương đương; các đơn vị thuộc, trực thuộc như khoa, phòng.

d) Đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Xét tặng cho các doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép kinh doanh (trừ các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc cổ phần hóa, tham gia vào các Khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức), hợp tác xã và các đơn vị thuộc, trực thuộc doanh nghiệp như chi nhánh, xí nghiệp, phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương; không có cá nhân vi phạm pháp luật hoặc bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại từ “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên của năm xét tặng danh hiệu;

c) Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ do tỉnh, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị phát động hay hưởng ứng;

d) Có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Điều kiện về thời gian hoạt động để xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”:

a) Tổ chức vừa được sáp nhập, hợp nhất, chia tách theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được xét tặng (theo nội dung đã đăng ký trước khi sáp nhập).

b) Không xét tặng cho tổ chức thành lập mới có thời gian hoạt động dưới 01 năm (dưới 12 tháng).

Điều 11. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” là các tập thể theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy định này; trừ các tập thể sau: Các phòng và tương đương thuộc ban, chi cục và tương đương trực thuộc Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương (Phòng Hành chính - Tổ chức, phòng Tài vụ, phòng

Nghiệp vụ,... thuộc ban, chi cục,...); các tổ chức bên trong thuộc đơn vị sự nghiệp cấp huyện (nếu có).

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng; cụ thể:

a) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương; không có cá nhân vi phạm pháp luật hoặc bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” của năm xét tặng danh hiệu;

c) Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ do tỉnh, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị phát động hay hưởng ứng;

d) Có 100% cá nhân trong tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 12. Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”

1. UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh”.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”: Các tập thể là cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia cụm, khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức.

3. Tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh, có phong trào thi đua phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực có liên quan; có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc tỉnh học tập.

Đối với tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh trực tiếp tổ chức: Phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (nếu thuộc đối tượng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đánh giá, xếp loại); các trường hợp còn lại giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, đánh giá.

Đối với tập thể dẫn đầu các cụm, khối thi đua do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức theo ủy quyền của UBND tỉnh: Phải được tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại ở mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (nếu thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại); các

trường hợp còn lại, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, tham mưu người đứng đầu xem xét, đánh giá.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có) trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác; cơ quan được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa (nếu thuộc đối tượng được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa).

Điều 13. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”

Việc xét, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Giấy khen

Giấy khen để tặng cho tập thể, tặng cho cá nhân theo quy định tại Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng.

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và tương đương; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã được tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp;
- c) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp phát động;
- d) Lập được nhiều thành tích; thành tích đột xuất; có nhiều đóng góp cho sự phát triển cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp.

2. Giấy khen của Người đứng đầu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và tương đương; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã được tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;

c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hành tiết kiệm;

d) Thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

3. Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã được tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng tiền, vật chất, công sức vào sự phát triển của địa phương.

4. Giấy khen của Người đứng đầu, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và tương đương được tặng cho các tập thể vào dịp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và ngay sau khi lập được thành tích.

5. Người đứng đầu, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trong phạm vi, quyền hạn của mình, căn cứ vào tình hình thực tế quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 15. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng; cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

b) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở. Nếu là đảng viên thì phải được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

c) Công nhân có sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận, áp dụng mang lại hiệu quả cho đơn vị và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề hoặc đạt giải Ba trở lên tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Nam hoặc được tặng Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ nông dân giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động. Người đứng đầu đoàn thể cấp huyện hoặc UBND cấp xã có trách nhiệm đánh giá hiệu quả mô hình sản xuất, thành tích của nông dân.

đ) Người lao động lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng, noi gương học tập trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Lập thành tích xuất sắc đột xuất; gương điển hình tiên tiến có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh.

f) Doanh nhân, trí thức, nhà khoa học, cá nhân khác có thành tích tiêu biểu trong các lĩnh vực; có nhiều đóng góp trong ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo góp phần vào sự phát triển của tỉnh Quảng Nam.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

a) Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước hằng năm, được bình xét, suy tôn trong các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh trực tiếp tổ chức. Trong đó, tập thể thuộc đối tượng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đánh giá, xếp loại phải được đánh giá, xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có) được xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Số lượng tập thể được xét, đề nghị khen thưởng không quá 50% tổng số tập thể trong mỗi cụm, khối thi đua; tỷ lệ này bao gồm cả tập thể được xét, đề nghị Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh.

b) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh phát động hoặc trong sơ kết, tổng kết (từ 02 năm trở lên) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

c) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tổ chức Đảng, đoàn thể (nếu có) được xếp loại ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Lập thành tích xuất sắc đột xuất; gương điển hình tiên tiến có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh.

đ) Có thành tích tiêu biểu trong các lĩnh vực; có nhiều đóng góp trong ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo góp phần vào sự phát triển của tỉnh Quảng Nam.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản phục vụ các chương trình, mục tiêu trọng điểm cho địa phương, phong trào từ thiện xã hội trên địa bàn tỉnh.

4. Ngoài những quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, trường hợp cần thiết Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định tặng Bằng khen theo thẩm quyền.

Chương V

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ, HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG

Điều 16. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo khoản 5 Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

3. Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

Điều 17. Thẩm quyền xét duyệt, quyết định khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (trừ Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ), danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên cho cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về việc đón nhận Huân chương, Huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài và tổ chức quốc tế trao tặng cho tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tặng thưởng: “Cờ thi đua của UBND tỉnh”; danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”; danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận; danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu”, “Doanh nhân tiêu biểu”. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình thực tế, nhằm động viên, ghi nhận các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc hoặc có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc tặng Thư khen, Thư cảm ơn.

4. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận thành tích, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước tặng Huân chương, Huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước; đề nghị Chính phủ xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”; đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh các trường hợp đề nghị khen thưởng: “Cờ thi đua của UBND tỉnh”; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; “Tập thể lao động xuất sắc”; Huy hiệu tỉnh Quảng Nam; Bằng công nhận; danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu”, “Doanh nhân tiêu biểu”; Thư khen; Thư cảm ơn; danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Huân chương, Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích kháng chiến.

b) Thẩm định hồ sơ, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét các trường hợp đề nghị khen thưởng: Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, Huân chương các loại, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức; trong đó, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” giao cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có văn bản gửi xin ý kiến các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh bằng phiếu đề tổng hợp.

Đối với các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo của các địa phương khi đề nghị khen thưởng từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên: Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định hồ sơ trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Quảng Nam và Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam trong thời gian 10 ngày làm việc trước khi tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, đề nghị UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương (trừ khen thưởng đột xuất, Huân chương Độc lập cho gia đình có nhiều liệt sĩ và Huân chương kháng chiến chống Mỹ, chống Pháp) và danh hiệu vinh dự Nhà nước (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”).

6. Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) xét, cho ý kiến trước khi trình khen thưởng quá trình công hiến, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với các trường hợp sau:

a) Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể là Nhân dân và cán bộ cấp huyện và các tập thể do cấp huyện quản lý (trừ Cờ thi đua của Chính phủ).

b) Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” cho các cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy) quản lý.

7. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh và tương đương quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, Giấy khen. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh thực hiện theo thẩm quyền quy

định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

8. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, Giấy khen.

9. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, Giấy khen.

10. Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” và Giấy khen; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quyết định tặng Giấy khen.

11. Người đứng đầu, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương khi đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về đề nghị của mình. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền trước khi người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 18. Hiệp y khen thưởng

1. UBND tỉnh hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho các cơ quan Trung ương và người đứng đầu các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khi có văn bản đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đợt xuất) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

Ủy quyền cho Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét hiệp y khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý (Cờ thi đua, Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương) khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương hoặc Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

2. Sở Nội vụ:

a) Tham mưu UBND tỉnh xin ý kiến các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương có chức năng quản lý ngành, lĩnh vực trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cá nhân là người đứng đầu, cấp trưởng của đơn vị cùng cấp về nội dung: Kết quả tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với tập thể); Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao (đối với cá nhân) trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

b) Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trước khi trình UBND tỉnh hiệp y khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trung ương có tư cách pháp nhân thuộc cấp quản lý trực tiếp của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương đóng trên địa bàn địa phương về các nội dung:

- Việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể (nếu tổ chức đảng, đoàn thể sinh hoạt tại địa phương);

- Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh).

c) Xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Thanh tra tỉnh để khen thưởng đối với tập thể là Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố và cá nhân là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị cùng cấp; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;

d) Xin ý kiến Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để khen thưởng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế;

đ) Xin ý kiến Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài.

e) Xin ý kiến các cơ quan có liên quan về tôn giáo để khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo.

3. UBND cấp huyện

a) Lấy ý kiến của Ủy ban Kiểm tra và Thanh tra cấp huyện để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể là Phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; xã, phường, thị trấn và cá nhân là người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị cùng cấp; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn.

b) Lấy ý kiến Công an, Thanh tra cấp huyện về chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân là người đại diện pháp luật của tổ chức kinh tế đóng chân trên địa bàn huyện; Thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm (đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh).

4. Khi nhận được văn bản xin ý kiến về việc khen thưởng của Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND cấp huyện, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian quy định. Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về thời gian trả lời văn bản và nội dung được xin ý kiến.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thống nhất hoặc không cho ý kiến thì Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

Điều 19. Hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Về công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Điều 20. Quy định về tuyển trình

1. Cấp nào quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, quỹ lương hoặc có thẩm quyền quyết định thành lập, cấp đó có trách nhiệm trình cấp trên khen thưởng cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc khen thưởng Đại biểu HĐND và tập thể, cá nhân thuộc HĐND các cấp thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

3. Các trường hợp tổ chức, cá nhân ngoài ngành, ngoài địa phương, ngoài tỉnh có thành tích hoặc có nhiều đóng góp cho ngành, địa phương do Chủ tịch UBND cấp huyện, thủ trưởng các ngành của tỉnh khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp lớn mới đề nghị UBND tỉnh khen thưởng.

4. Sở, ban, ngành nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động thi đua theo đợt, chuyên đề thì Sở, ban, ngành đó chủ trì, phối hợp với cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh để hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng. Đối tượng được khen thưởng theo đợt, chuyên đề phải được xét chọn trong số tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, có thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và noi gương học tập trên địa bàn tỉnh và phải được thông qua Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Ban Tổ chức thực hiện chuyên đề đó. Các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện quản lý phải có văn bản đề nghị khen thưởng của UBND cấp huyện trước khi đề nghị khen thưởng.

5. Trường hợp khen thưởng đột xuất, gương hành động dũng cảm, cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm,... trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương nào thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt tập thể, cá nhân đó trong hay ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương).

6. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện

khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo:

a) Việc khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh do Sở Nội vụ trình Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội cấp huyện do UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Khen thưởng Hội thẩm nhân dân 2 cấp: Tòa án nhân dân cùng cấp xét, trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định khen thưởng.

9. Đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương được UBND tỉnh ủy quyền tổ chức cụm, khối thi đua đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó trình UBND tỉnh tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” cho doanh nghiệp, hợp tác xã dẫn đầu cụm, khối thi đua.

b) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác, thống nhất thực hiện việc khen thưởng và trình khen thưởng như sau:

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý: Giao cho các Sở, ban, ngành tỉnh quản lý chuyên ngành khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh: Giao Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. UBND tỉnh giao UBND cấp huyện xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng đối với các tổ chức kinh tế (do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) có trụ sở đóng trên địa bàn cấp huyện (trừ các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty, Tập đoàn kinh tế do Trung ương quản lý; doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được Chính phủ giao quản lý; doanh nghiệp đóng trên địa bàn Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh).

- Đối với Quỹ tín dụng nhân dân: Chủ tịch UBND các cấp xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

11. Đối với công nhân và nông dân

a) Đối với công nhân:

Công nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo” trên địa bàn tỉnh do Liên đoàn Lao động tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

b) Đối với nông dân:

Nông dân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi” trên địa bàn tỉnh do Hội Nông dân tỉnh tổng hợp, đề nghị khen thưởng.

Điều 21. Thời gian xét khen thưởng và trình khen thưởng

1. Thời gian xét khen thưởng hằng năm (trừ khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất, đối ngoại, đóng góp và khen thưởng quá trình cống hiến) được thực hiện sau khi hoàn thành việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể, cá nhân.

2. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng hằng năm gửi về UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam). Các trường hợp khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu (khen thưởng đột, chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 07 ngày làm việc.

Riêng đối với hồ sơ đề nghị “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh trực tiếp tổ chức không thực hiện việc tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam, giao Sở Nội vụ tiếp nhận.

3. Thời gian gửi hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Cờ Thi đua Chính phủ”:

a) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc” gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất vào ngày 30/10 của năm liền kề.

b) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 30/4 hằng năm; đối với hệ thống giáo dục quốc dân trước ngày 30/10 hằng năm.

Điều 22. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, của Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và quyết định của UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 23. Trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. UBND tỉnh tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng, gồm: Danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”; “Anh hùng lao động”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; “Cờ thi đua của Chính phủ”; Huân chương các loại và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (trừ danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và các hình thức khen thưởng thành tích kháng chiến); “Cờ thi đua của UBND tỉnh” và “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” cho các tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức tại Lễ tuyên dương, khen thưởng hoặc Hội nghị tổng kết,... do UBND tỉnh tổ chức; việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng giao Sở Nội vụ thực hiện; trường hợp không tổ chức trao thưởng được ở cấp tỉnh, giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức trao thưởng đảm bảo theo quy định.

Các đối tượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác giao Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Việc công bố quyết định khen thưởng và điều hành trao thưởng do cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện (trường hợp đặc biệt thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh).

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 24. Nguồn và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, của cấp huyện, cấp xã, của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở giáo dục tư thục và dân lập thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 50 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 25. Quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng:

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do Thủ trưởng cơ quan cấp đó quyết định; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính quản lý và sử dụng theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán.

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quản lý và sử dụng.

c) Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để:

a) Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm theo các quyết định khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng).

b) Chi: In giấy công nhận, chứng nhận, giấy khen, bằng khen; làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng; nhận, vận chuyển hiện vật khen thưởng và các loại vật tư chuyên dùng cho khen thưởng.

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua, gồm:

Chi tổ chức các hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trong chương trình đã đề ra.

Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chi tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng; chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Chi phát động các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng theo cụm, khối; chi kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng do cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

3. Người ra quyết định khen thưởng chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán chi theo quy định.

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước cho các tập thể, cá nhân do UBND tỉnh khen thưởng; các cá nhân do UBND tỉnh đề nghị, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú); Cờ thi đua của UBND tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (khen thưởng tập thể có thành tích xuất sắc trong các cụm, khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền tổ chức; khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề hoặc đột xuất) chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, khen thưởng thường xuyên, hằng năm) do cơ quan, đơn vị, địa phương trình khen thưởng thực hiện chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng do cơ quan chuyên môn cấp trên ở Trung ương khen thưởng nhưng không thực hiện việc chi tiền thưởng thì: Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh đề nghị khen thưởng thì chi tiền thưởng từ Quỹ thi đua, khen thưởng do mình quản lý.

4. Khen thưởng đối ngoại; khen thưởng thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ, hoạt động xã hội dưới hình thức tự nguyện; khen thưởng các tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm.

5. Khen thưởng thành tích thực hiện chương trình mục tiêu, dự án được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu, dự án đó.

Điều 26. Tiền thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Nguyên tắc tính tiền thưởng thực hiện theo Điều 53 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 54, 55, 56, 57, 58 và 59 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

3. Mức tiền thưởng kèm theo Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng cho các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm thực hiện theo quy định, trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương VII

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ, HỘ GIA ĐÌNH TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thi đua, khen thưởng

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 86 và 87 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 28. Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng

Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này; trong phạm vi, quyền hạn được giao, căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng quy định, quy chế công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo tạo động lực thi đua và nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Quy định này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định hình thức động viên phù hợp (trường hợp cần thiết) đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình để kịp thời nêu gương tốt trong lao động, sản xuất, công tác

và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật Thi đua, khen thưởng quy định và đảm bảo với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30. Trách nhiệm kiểm tra, giám sát

Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo, giám sát thực hiện Quy chế./.